

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 09 – 5 – 2018

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Hương.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Thanh T, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Phan Trường T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị T với anh T1 kết hôn với nhau năm 2013 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 25 tháng 01 năm 2013). Sau khi kết hôn chị T và anh T1 về sống bên anh gia đình anh T1 tại ấp T, xã B, huyện Đ được 06 tháng. Sau đó chuyển về sống tại ấp G, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh S. Đến năm 2015, hai người phát sinh mâu thuẫn, anh T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Đến tháng 06/2016 thì hai người ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 ăn nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 có một con chung tên T2, sinh ngày 20/6/2013 đang sống cùng chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 60/TB-TLVA ngày 16 tháng 3 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh T1 nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh T1, không tiến hành hòa giải được và anh T1 cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh T1. Về con chung: Giao con cho chị T trực tiếp nuôi, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh T1 mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2] Về nội dung: Tại tòa chị T giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh T1. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T1 là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 06/2016, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau, trong giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn nên xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu T2, sinh ngày 20/6/2013 đang sống cùng chị T. Về nguyên tắc việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên từ trước đến nay cháu T2 sống cùng chị T và chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét thấy chị T có đủ điều kiện nuôi con và yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên anh T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị T yêu cầu nên chị T phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị T.

Về hôn nhân: Chị T được quyền ly hôn với anh T1.

Về con chung: Giao cháu T2, sinh ngày 20/6/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0009533 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh T1 được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhân:

- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng